

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N: Ông Trần Văn Đ, Luật sư Công ty Luật TNHH TS, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện K, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trần S, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng S, chức vụ Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 6020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND xã KP, huyện K, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành G, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Đinh Chí B, sinh năm 1953, có mặt;

4. Chị Đinh Thị P, sinh năm 1983, vắng mặt;

5. Anh Đinh Trí C, sinh năm 1985, vắng mặt;

Đều trú tại: Xóm 7, xã KP, huyện K, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Phương, anh Cường: Ông Đinh Chí B, có mặt.

6. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1970, vắng mặt;

7. Bà Đinh Thị D, sinh năm 1952, vắng mặt;

8. Bà Đinh Thị Thanh D, sinh năm 1958, vắng mặt;

9. Bà Đinh Thị V, sinh năm 1966, vắng mặt;

10. Bà Đinh Thị C, sinh năm 1958, có mặt;

11. Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1983, có mặt;

12. Chị Đinh Thị N, sinh năm 1970, vắng mặt;

Đều trú tại: Xóm 7, xã KP, huyện K, tỉnh Hà Nam;

13. Chị Đinh Thị M, sinh năm 1985, vắng mặt;

Trú tại: Thôn 3, xã CS, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T, bà D, bà Thanh D, bà V, bà C, anh Q, chị M: Ông Đinh Văn N.

** Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đinh Văn N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và Bản án sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn trình bày:

Thực hiện chủ trương của UBND xã KP, huyện K, tỉnh Hà Nam; gia đình bà Lê Thị T đã dồn đổi ruộng đất với các hộ để đủ diện tích làm trang trại theo mô hình VAC. Ngày 07/9/2001, gia đình bà T đã đổi 1.040,4m² đất ruộng tại xứ đồng Lũy Núi cho hộ gia đình ông Đinh Công A (Đinh Văn A) để lấy 2.160m² đất ở xứ đồng Đồng Sơn thuộc xã KP, huyện K; thời hạn đổi từ ngày 30/11/2001 đến ngày 30/12/2013; việc đổi đất các bên có lập thành văn bản có xóm trưởng và cán bộ địa chính xã KP xác nhận. Ngày 20/01/2002, UBND xã KP ký hợp đồng kinh tế giao đất làm trang trại để sản xuất theo mô hình VAC cho gia đình bà Lê Thị T với tổng diện tích 6.667m² (trong đó có phần diện tích đã nhận chuyển đổi của gia đình cụ A); thời hạn thực hiện hợp đồng là 16 năm kể từ ngày 01/01/2002 đến hết tháng 12/2017, nghĩa vụ giao nộp sản phẩm khoán thầu hàng năm tính bằng thóc. Sau khi chuyển đổi, gia đình bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân đóng góp sản phẩm đầy đủ, không có tranh chấp gì.

Năm 2017, UBND huyện K thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án khu du lịch Tam Chúc tại xã KP, huyện K có thu hồi phần đất này và lập phương án bồi thường đất, hỗ trợ cho gia đình ông Đinh Công A với diện tích 2.160m² đất lúa tại thửa số 110(4) thuộc tờ bản đồ số 11, tổng giá trị bồi thường đất, hỗ trợ là 356.400.000đ là phần diện tích đất trong trang trại của gia đình bà T đã được sử dụng ổn định từ khi chuyển đổi ruộng đến khi bị thu hồi đất, không có tranh chấp với ai.

Phía nguyên đơn cho rằng, việc đổi đất đã được thực hiện từ năm 2001, các bên đã bàn giao đất cho nhau, quá trình sử dụng các thành viên hộ gia đình cụ A không ai có ý kiến gì, kể cả khi cụ A mất thì các con của cụ A vẫn không có ý kiến gì.

Vì vậy, Bà Lê Thị T yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất năm 2001 và đề nghị công nhận bà được quyền sử dụng diện tích 2.160m² đất đã nhận chuyển đổi của cụ A và được quyền nhận tiền đền bù hỗ trợ là 356.400.000đ; hủy các quyết định thu hồi đất của UBND huyện K đối với hộ cụ Đinh Công A vì họ không phải là người sử dụng đất. Đề nghị UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà đối với diện tích đất bị thu hồi trong trang trại của gia đình bà. Buộc UBND huyện K phải bồi thường phần đất tăng thêm diện tích 1.680m² với số tiền là 277.200.000đ. Tuy nhiên, ngày 20/7/2019 ông B có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu bồi thường phần đất tăng thêm.

Bị đơn, cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn trình bày: Gia đình ông N được giao đất nông nghiệp sử dụng lâu dài mang tên cụ Đinh Công A (là bố đẻ ông N) tại xứ đồng Đồng Sơn, xã KP, huyện K với diện tích 2.160m² tại thửa số 110(4) tờ bản đồ số 11 lập năm 2001; tại thời điểm chia ruộng có 08 nhân khẩu, gồm: Cụ Đinh Công A, cụ Ma Thị N1 (đều đã mất), ông Đinh Văn N, bà Đinh Thị C, ông Đinh Văn T, anh Đinh Văn Q, chị Đinh Thị N và chị Đinh Thị M. Thực hiện chủ trương chuyển đổi mô hình làm kinh tế trang

trại đa canh ở xứ Đồng Sơn, bà Lê Thị T đã đề nghị gia đình ông đổi 2.160m² xứ Đồng Sơn cho gia đình bà để làm trang trại; lúc đầu gia đình bà T đổi trả cho gia đình ông 792m² ở Làng Lũy, sau đó bà T có trả thêm 288m². Để tạo điều kiện cho bà T làm trang trại, gia đình cụ A và cụ N1 có ký vào đơn xin chuyển đổi quyền sử dụng đất với diện tích 2.160m²; sau đó hai bên sử dụng ổn định và không có tranh chấp gì. Tuy nhiên, thời hạn chuyển đổi ruộng đến năm 2013 là hết, nhưng từ năm 2013 đến nay gia đình bà T không có cuộc trao đổi, thỏa thuận cũng như làm giấy tờ chuyển đổi hợp pháp cho gia đình ông N, hiện tại đất vẫn mang tên cụ A. Nay cụ A và cụ N1 đã chết, ông N cũng như các anh chị em là những người ở hàng thừa kế thứ nhất cho rằng do cụ A và cụ N1 đã chết nên việc Nhà nước thu hồi diện tích 2.160m² đất nông nghiệp của gia đình ông N và bồi thường số tiền 356.400.000đ là đúng quy định của pháp luật. Ông N cũng như những người liên quan về phía ông N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị giữ nguyên các quyết định của UBND huyện K.

UBND huyện K có ý kiến như sau: Thực hiện chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam của Chính phủ; căn cứ hồ sơ địa chính UBND huyện K khẳng định quá trình chỉ đạo và ban hành các quyết định (gồm 07 quyết định) thu hồi đất tiêu chuẩn 115; 990 của các hộ dân nằm trong trang trại của bà Lê Thị T và Quyết định số 5537/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND huyện K về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và chính sách hỗ trợ về đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi hạng mục: San lấp khu trung tâm đón tiếp, nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc tại xã KP là đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền hành chính của UBND huyện K. Việc tranh chấp đòi đất đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND xã KP, huyện K trình bày: Năm 2002, UBND xã KP ký hợp đồng kinh tế giao đất làm trang trại nhỏ sản xuất mô hình VAC cho bà Lê Thị T1 với tổng diện tích 6.667m² (trong đó có phần đất đã chuyển đổi của hộ cụ Đình Công A). Qua các tài liệu lưu trữ không tìm thấy tài liệu liên quan đến cụ A trả lại đất nông nghiệp cho UBND xã. Năm 2013, thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất, theo phương án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp của xã KP đối với diện tích ruộng giao chia 115, UBND xã đã giao cho các hộ sử dụng theo mô hình sản xuất đa canh trên vùng đất trũng (trong đó có khu vực Đồng Sơn) vẫn giữ ổn định. Do vậy, trong diện tích xứ Đồng Sơn không tham gia dồn đổi và vẫn đứng tên các hộ có đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất năm 2001. Việc UBND huyện K ban hành quyết định về việc thu hồi đất của hộ cụ Đình Công A trong trang trại bà Lê Thị T do ảnh hưởng bởi dự án hạng mục san lấp khu trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam tại xã KP là đúng thẩm quyền; việc nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số:17/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định; căn cứ Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 83; Điều 84; Điều 126 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017 ngày 06/01/2017; Nghị định số 43/2014/QĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận giao dịch chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ bà Lê Thị T và hộ cụ Đình Công A năm 2001.

Công nhận hộ gia đình bà Lê Thị T được quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.160m² đất tại xứ đồng Đồng Sơn thửa số 110(4), tờ bản đồ số 11 xã KP, huyện K, tỉnh Hà Nam và được nhận tiền đền bù, hỗ trợ thu hồi đất là 356.400.000đ.

- Công nhận hộ cụ Đình Công A và người thừa kế được quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.040,4m² (752,4m² và 288m²) tại xứ đồng Lũy Núi, tờ bản đồ số 3 thửa số 134(3) lập năm 2001 tại xã KP, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2. Yêu cầu UBND huyện K điều chỉnh bảng tính giá trị bồi thường đất đai, cây cối, hoa màu, chính sách hỗ trợ về đất, cụ thể như sau: Hộ bà Lê Thị T được nhận khoản tiền bồi thường đất đai, cây cối, hoa màu, chính sách hỗ trợ về đất đối với việc thu hồi diện tích 2.160m² đất tại xứ đồng Đồng Sơn thửa số 110(4), tờ bản đồ số 11 xã KP, huyện K, tỉnh Hà Nam (do nhận chuyển đổi quyền sử dụng đất). Tổng số tiền đền bù hỗ trợ là 356.400.000đ.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu UBND huyện K phải bồi thường hỗ trợ đối với phần diện tích đất tăng thêm 1.680m².

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí; lãi suất chậm trả và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2020 bị đơn là ông Đình Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự trình bày:

- Ông N trình bày: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết vụ án thiếu khách quan, chưa xem xét đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu thể hiện việc đổi đất đều là tài liệu phô tô nhưng cấp sơ thẩm vẫn lấy đó làm căn cứ để giải quyết vụ án. Ông N không nhất trí với yêu cầu của bà Lê Thị T bởi các lý do sau:

UBND xã KP, huyện K giao đất nông nghiệp sử dụng lâu dài cho ông A, bà N1; trong quá trình trao đổi lúc đầu bà T chỉ đòi với diện tích đất 752m² ở Lũy Làng nhưng do bà C (là vợ ông) không đồng ý nên bà T trả thêm 288m² đất ở Lũy Làng. Như vậy, bà T vẫn trả thiếu đất cho gia đình ông là 1.080m². Nhưng sau đó bà T tiếp tục xin gia đình ông và được vợ ông đồng ý ký vào đơn xin chuyển đổi quyền sử dụng ruộng đất để gia đình bà T mượn làm trang trại với diện tích 2.160m² đến năm 2013, quá trình xin xác nhận của UBND xã không đồng ý vì giấy tờ không hợp lệ nên không làm được.

Đây là đất của hộ gia đình nhưng các thành viên trong gia đình ông không đồng ý ký vào đơn xin chuyển đổi quyền sử dụng đất; thời hạn chuyển đổi chỉ đến năm 2013 là hết, nhưng từ năm 2013 đến nay gia đình bà T không có bất kỳ ý kiến gì thỏa thuận việc đổi đất tiếp.

Năm 2019, UBND xã KP, huyện K làm GCNQSD đất 115 mới cho người dân, gia đình ông yêu cầu gia đình bà T ký xác nhận diện tích đất 1.080m² xứ Lũy Làng nhưng bà T không ký.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà T.

- Ông Đinh Chí B trình bày: Cơ bản giữ nguyên như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật; đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C, anh Q trình bày: Nhất trí như ý kiến của ông N, bà T chưa giao đủ đất cho gia đình ông N, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N trình bày: Không đồng tình với bản án sơ thẩm vì các lý do sau đây: Đơn chuyển đổi đất giữa bà T và cụ A, cụ N1 là bản phô tô, không có căn cứ xác định chữ ký trong đơn này là của cụ A và cụ N1, trong hồ sơ thể hiện có 02 đơn đổi đất, một đơn không có chữ ký của bà T; tại phiên tòa ông B không nắm được các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không chứng minh được việc đổi đất ngoài bản phô tô đơn đổi đất; hơn nữa nếu có việc chuyển đổi đất cũng không hợp pháp vì không thực hiện theo trình tự quy định; UBND xã KP ký hợp đồng giao đất, không phải là giao đất theo hạn mức; bản án sơ thẩm nhận định các quyết định hành chính của UBND huyện K là đúng quy định nhưng lại quyết định cho bà T được hưởng tiền bồi thường là có sự mâu thuẫn; đơn khởi kiện ban đầu bà T chỉ yêu cầu được nhận tiền bồi thường của diện tích đất 1.080m² đất, nhưng Tòa án lại công nhận bà T được hưởng toàn bộ diện tích 2.160m² tương đương số tiền 356.400.000đ. Do đó, trong trường hợp Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà T thì chỉ chấp nhận đối với diện tích hai bên đã đổi là 1.040m². Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp

nhận đơn khởi kiện của bà T đối với diện tích đất 1.040m²; hoặc hủy bản án sơ thẩm và bác đơn khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ thấy nguyên đơn cho rằng có việc đổi đất, bị đơn không thừa nhận việc đổi đất mà chỉ cho mượn đất, nhưng vẫn thừa nhận trên thực tế hai bên đã sử dụng đất của nhau, nên xác định có việc đổi đất. Tuy nhiên, theo đơn đổi đất thì thời hạn đổi đất đến năm 2013, sau khi hết thời hạn đổi thì về nguyên tắc đất của ai trả lại người đó; nhưng cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn công nhận việc đổi đất và xác định nguyên đơn được hưởng tiền đền bù là không đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự trong vụ án vắng mặt nhưng đã có người đại diện, hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa bà Lê Thị T với cụ Đình Công A và được nhận tiền đền bù, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND huyện K, tỉnh Hà Nam đối với hộ cụ Đình Công A, đồng thời yêu cầu buộc UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi, phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà đối với diện tích bị thu hồi trong trang trại của gia đình bà, đây là tranh chấp dân sự và yêu cầu xem xét đến quyết định hành chính cá biệt của cơ quan nhà nước cấp huyện trong quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính và khoản 3, khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 20/7/2019 ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi

kiện đối với nội dung yêu cầu bồi thường phần đất tăng thêm là 1.680m², nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này là có căn cứ.

** Về nội dung:* Xét kháng cáo của ông Đinh Văn N thấy:

[3] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như các đương sự trình bày có căn cứ khẳng định: Hộ bà Lê Thị T được Nhà nước giao diện tích đất nông nghiệp đối với thửa đất số 134(3) tờ bản đồ số 3 tại xứ Lũy Núi và thửa số 40(12) tờ bản đồ số 3 tại khu Cây Đề Ngoài đều đã được cấp GCNQSD đất. Hộ cụ Đinh Công A được Nhà nước giao đất Nông nghiệp với diện tích 2.160m², thuộc thửa số 110(4) tờ bản đồ số 11 tại xứ Đồng Sơn, bản đồ địa chính xã KP, huyện K lập năm 2001, đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất.

[4] Năm 2001 thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất để đủ đất làm trang trại theo mô hình VAC, hộ bà T đã đổi diện tích 752,4m² và 288m² đất cho cụ A để lấy diện tích 2.160m² của cụ A tại thửa số 110(4) tờ bản đồ số 11 tại xứ Đồng Sơn; việc chuyển đổi đất được thể hiện bằng đơn xin chuyển đổi quyền sử dụng đất, được Xóm trưởng xóm 7 Đinh Văn L1 xác nhận ngày 07/9/2001; phía bị đơn cũng như Luật sư của phía bị đơn cho rằng không có căn cứ xác định chữ ký trong đơn là của cụ A và cụ N1, nhưng cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Mặc dù đơn chỉ được Xóm trưởng xác nhận, xét về mặt hình thức chưa đúng quy định của pháp luật, nhưng sau đó hai hộ gia đình đã bàn giao đất cho nhau trên thực địa, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước hàng năm và sử dụng ổn định phần diện tích được đổi không ai có ý kiến, hoặc có tranh chấp gì. Hơn nữa, sau khi thực hiện việc chuyển đổi thì gia đình bà T đã dùng diện tích đất này trong tổng số đất gia đình bà được giao sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện K để vay tiền; đào ao, xây dựng các công trình khác trên đất, phía ông N thừa nhận biết được việc này nhưng cũng không có ý kiến gì; ông N, bà C cho rằng khoảng năm 2013 đã có tranh chấp nhưng chỉ giữa hai gia đình, không có cơ quan có thẩm quyền nào đứng ra giải quyết, ông bà cũng không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh là có việc tranh chấp xảy ra. Do đó, có căn cứ khẳng định việc chuyển đổi ruộng đất giữa hộ bà T và hộ cụ A là có thật. Phía bị đơn cho rằng hộ gia đình bà T mới chuyển giao cho cụ A diện tích 1.080m², còn thiếu so với diện tích cụ A giao cho bà T. Tuy nhiên, căn cứ đơn xin chuyển đổi quyền sử dụng đất thể hiện gia đình bà T đổi 02 thửa đất nêu trên để nhận thửa đất của cụ A có diện tích 2.160m², không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà T giao còn thiếu đất cho cụ A. Đặc biệt, từ sau khi đổi đến thời điểm xảy ra tranh chấp thì hộ cụ A cũng như ông N không có ý kiến gì yêu cầu gia đình bà T tiếp tục giao số đất còn thiếu, nên việc ông N cho rằng bà T giao còn thiếu diện tích đất cho cụ A là không có căn cứ.

[5] Hơn nữa, sau khi hai hộ gia đình thực hiện việc chuyển đổi quyền sử dụng đất, bàn giao đất cho nhau thì ngày 20/01/2002 UBND xã KP, huyện K,

tỉnh Hà Nam cùng bà Lê Thị T ký hợp đồng kinh tế về việc giao đất làm trang trại nhỏ sản xuất mô hình VAC đối với diện tích 6.667m² (trong đó có diện tích 2.160m² đã nhận đổi của cụ A), thời hạn sử dụng 16 năm từ ngày 01/01/2002 đến hết tháng 12/2017; sau khi ký hợp đồng bà T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng đã thỏa thuận; đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thì thời hạn thuê đất của bà T vẫn đang còn; hiện tại các con của cụ A vẫn đang sử dụng ổn định diện tích 1.080m² đã nhận đổi của bà T.

Từ phân tích trên thấy rằng, cấp sơ thẩm đã công nhận hợp đồng chuyển đổi đất nông nghiệp giữa cụ A và bà T, xác định bà T được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất với diện tích đất 2.160m² tại thửa số 110(4), tờ bản đồ số 11 xứ đồng Đồng Sơn, xã KP là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ ông Đinh Văn N, thấy rằng: Mặc dù việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa cụ A và bà T là có căn cứ, đúng thực tế, nhưng cả cụ A và bà T đều chưa làm thủ tục đăng ký để đề nghị cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật, cũng như chưa có cơ quan có thẩm quyền nào phân định ai là người sử dụng diện tích đất này hợp pháp nên về hồ sơ pháp lý, GCNQSD đất vẫn mang tên cụ A, khi thực hiện việc thu hồi đất, lập phương án hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi đất các cơ quan có thẩm quyền huyện K, đã căn cứ hồ sơ pháp lý để ban hành các quyết định, phương án phê duyệt mang tên cụ A là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, có khiếu nại nên UBND huyện K đã tạm dừng việc chi trả tiền cho cụ A, đồng thời gửi số tiền được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ vào Kho bạc Nhà nước để chờ phán quyết của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định không cần thiết hủy các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của UBND huyện K đối với hộ cụ Đinh Công A là có căn cứ.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đúng trình tự quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự, tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông N. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà T là không có căn cứ.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra ông N phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông N là người cao tuổi thuộc đối tượng miễn nộp án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đinh Văn N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm